

## **Nguyễn Trãi: Từ đỉnh cao danh vọng đến thảm án Lê Chi Viên tru di tam tộc**

Trầm Ngự

Tháng 9 năm 1442, vua Lê Thái Tông đi tuần ở miền Đông. Nhà vua lúc đó mới hai mươi tuổi, đang độ thanh niên, không ai nghĩ rằng đó lại là chuyến tuần du cuối cùng của vua. Và kéo theo sau đám tang là một vụ án oan khiên nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam.

*Hầu hết các sử gia, danh sĩ sau thế kỷ XV như Hà Nhậm Đại, Dương Bá Cung, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú đều khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Trãi trong công cuộc kháng chiến chống quân Minh để đi đến ngày toàn thắng. Thậm chí một vị quan tên là Đỗ Nghi, cùng là người triều Lê đã nói thẳng: Nhà Lê sở dĩ lấy được thiên hạ đều do sức ông cả và Đỗ Nghi tiếc rằng Nguyễn Trãi chưa giữ được hết hoài bão của mình, đó không phải là không may cho ông mà chính là không may cho dân sinh thời Lê vậy. Tiếc thay, vị đại công thần ấy đã phải chịu một án oan khiên đầy bi phẫn khi tuổi đã cao, tóc đã bạc, kéo theo sự liên lụy đến toàn thể gia quyến ba đời.*

### **Trước khi gặp Lê Lợi**

Nguyễn Trãi hiệu là Úc Trai, sinh năm 1380 tại làng Chi Ngại, huyện Chí Linh (nay là thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn Phi Khanh, người làng Chi Ngại, một nho sĩ hay chữ nhưng nghèo. Mẹ Nguyễn Trãi là Trần Thị Thái, con gái thứ ba của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Vì những quy định khắt khe đối với hôn nhân của nhà Trần mà mỗi lương duyên giữa cha mẹ Nguyễn Trãi bị gây nhiều khó khăn. Vua Trần Nghệ Tông coi Nguyễn Phi Khanh là phạm thượng, vì là kẻ thứ dân mà dám lấy vợ giàu sang. Do đó, dù đã thi đỗ Thái học sinh nhưng Phi Khanh vẫn không được ra làm quan, mãi sau này khi nhà Hồ lên ngôi, ông mới được cất nhắc sử dụng. Bố mẹ Nguyễn Trãi có tất cả 5 người con mà Nguyễn Trãi là con trưởng, theo thứ tự gồm: Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Báo, Nguyễn Phi Ly, Nguyễn Phi Bằng và Nguyễn Phi Hùng. Bà Trần Thị Thái qua đời sớm, anh em Nguyễn Trãi phải nương nhờ ông ngoại là Trần Nguyên Đán. Nhưng đến năm 1390 Trần Nguyên Đán cũng mất. Nguyễn Phi Khanh phải một mình nuôi các con ăn học. Năm 1400, nhà Hồ thành lập và mở khoa thi đầu tiên, Nguyễn Trãi tham dự và đỗ Thái học sinh, đứng thứ tư, được trao chức Ngự sử đài chính chưởng. Nguyễn Phi Khanh cũng ra làm quan và được giữ chức Hàn lâm viện học sĩ kiêm Tư nghiệp Quốc tử giám. Năm 1407, nhà Minh sang xâm lược nước ta. Cha con Hồ Quý Ly cùng nhiều triều thần bị bắt về Trung Quốc, trong đó có Nguyễn Phi Khanh. Nguyễn Trãi đã theo cha lên cửa ải và muốn sang Trung Quốc để hầu hạ cha nhưng Nguyễn Phi Khanh mới bảo rằng: "Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo khóc lóc mà làm gì?". Nguyễn Trãi vâng lời trở lại, ngày đêm lo nghĩ việc phục thù. Thời gian tiếp theo của Nguyễn Trãi là quãng đời

hơn 10 năm lênh đênh phiêu dạt chân trời góc bể, các sử liệu ghi chép chưa thống nhất về khoảng này. Có sách nói ông bị quân Minh giam lỏng ở Đông Quan, sau mới trốn đi được. Có sách nói ông về Côn Sơn ở ẩn và còn chu du nhiều nơi khác nữa. Có sách nói ông đã sang Trung Quốc một thời gian. Khép lại thời kỳ phiêu dạt này, Nguyễn Trãi đã tìm đến Lỗi Giang để yết kiến Lê Lợi và tham gia khởi nghĩa Lam Sơn.



*Tượng đồng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi và mỹ nhân tài sắc vẹn toàn Nguyễn Thị Lộ*

### **Theo Lê Lợi cùng tham gia kháng chiến**

Về thời điểm Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi, các tài liệu cũng chưa thống nhất được với nhau. Hoàng Xuân Hãn, Đặng Nghiêm Vạn, Phan Huy Lê thì cho rằng Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi từ 1416 trong Hội thề Lũng Nhai. Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược thì cho rằng Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi năm 1420. Còn theo một phát hiện mới là bản Đính tộc ngọc phả của dòng họ Đính Liệt thì Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn đến gặp Lê Lợi năm 1423. Sách lược đầu tiên Nguyễn Trãi đưa ra cho Lê Lợi là chọn phương án giảng hòa với quân Minh làm thượng sách, để có thời gian giữ vững và phát triển lực lượng. Nguyễn Trãi cũng dâng lên Lê Lợi bản **Bình Ngô sách**, trong đó vạch ra ba kế sách đánh quân Minh mà chủ yếu là tâm công, tức là đánh vào lòng người để đi đến chiến thắng. Được Lê Lợi phong chức Tuyên phong đại phu Thừa chỉ Hàn lâm viện, Nguyễn Trãi từ đó luôn giữ vai trò người quân sư sát cánh bên chủ tướng, phụ trách mọi thư từ giao thiệp giữa nghĩa quân Lam Sơn và quân

Minh. Các loại văn thư hiểu dụ, thảo hịch đều do một tay Nguyễn Trãi soạn thảo. Các văn thư này về sau tập hợp lại thành tác phẩm Quân trung từ mệnh tập, nay còn lưu giữ được 69 văn kiện. Đảm nhiệm vai trò quân sư, hàng ngày mưu việc quân cơ cùng Lê Lợi, Nguyễn Trãi nghĩ ra được nhiều diệu kế nhằm tăng cường thanh thế cho nghĩa quân. Chẳng hạn ông lấy cơm trộn mật viết vào lá cây 8 chữ: *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần* (sau sửa thành *Lê Lợi vi quân, bách tính vi thần*), khiến kiến ăn và khoét thành chữ trên mặt lá, những lá đó lại được thả trôi theo dòng nước giống như từ trên trời rơi xuống, làm cho mọi người hết sức tin tưởng vào tương lai của nghĩa quân. Và thành công lớn nhất của Nguyễn Trãi trong cuộc kháng chiến chính là chiến lược "tâm công" (đánh vào lòng người). Nhiều thành trì như Tam Giang, Diễn Châu, Tây Đô, Cổ Lộng... sau khi nhận được thư của Nguyễn Trãi đã mở toang cửa thành để đầu hàng, khiến quân Lê Lợi không tốn một hòn tên mũi đạn. Cũng chính Nguyễn Trãi đã viết thư thuyết hàng Vương Thông thành công, kết quả dẫn tới sự kiện Hội thề Đông Quan khiến toàn bộ quân Minh phải cam kết rút về nước ngày 29 tháng 12 năm 1427.

### **Từ việc bị bỏ ngục đến án tru di năm 1442**

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, lập lại quốc hiệu Đại Việt, ban thưởng cho bá quan văn võ. Nguyễn Trãi tiếp tục giữ chức Nhập nội hành khiển, tước Quan phục hầu, được ban quốc tính (họ Lê), được khắc tên trên biển Khai quốc công thần. Ngày 29 tháng 4 năm 1428, Lê Lợi làm lễ lên ngôi, đại xá thiên hạ, giao cho Nguyễn Trãi viết Bình ngô đại cáo để bố cáo với cả nước về việc chiến thắng quân Minh. Bản hùng văn này được xem như một áng tuyên ngôn độc lập của nước ta ở thế kỷ XV, giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nó cho đến nay vẫn lay động mạnh mẽ lòng người. Nhưng những ngày bình yên hạnh phúc không giữ được lâu, triều đình nhà Lê nảy sinh những mâu thuẫn phe phái, bản thân Lê Lợi cũng nghi kỵ công thần, dẫn tới một loạt trọng án như cái chết của Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo.

Nguyễn Trãi cũng bị tổng giam vào ngục (khoảng 1429), bị tước quốc tính và không được trọng dụng nữa. Tuy nhiên sau khi Lê Thái Tổ băng hà, có lẽ ông đã suy nghĩ lại và căn dặn thái tử Nguyên Long phải trọng dụng Nguyễn Trãi. Vì thế, ngày 21 tháng 2 năm 1434, Nguyễn Trãi nhận nhiệm vụ dạy học cho Lê Trãi nhiệm vụ soạn nhã nhạc cùng với Lương Đăng nhưng chỉ mấy tháng sau Nguyễn Trãi xin rút khỏi công việc này vì bất đồng quan điểm. Cuối năm 1437 đầu năm 1438, Nguyễn Trãi xin về hưu trí tại Côn Sơn, chỉ thỉnh thoảng mới vào chầu vua. Đến năm 1439, Lê Thái Tông lại mời ông ra làm quan, ban cho chức Vinh lộc đại phu, Nhập nội hành khiển môn hạ sảnh, Tả ty Hữu gián nghị đại phu kiêm Hàn lâm viện học sĩ tri tam quán sự. Năm 1442, ông giữ vai trò Giám khảo trong đợt thi Hội và lấy đỗ Trạng nguyên Nguyễn Trực. Đến tháng 9 năm 1442 thì xảy ra [vụ án Lê Chi viên](#).



*Bức ảnh chân dung của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi*

Ngày 1 tháng 9 năm 1442, vua Lê Thái Tông bắt đầu chuyến đi tuần tại miền Đông. Sau khi duyệt binh ở Chí Linh, Nguyễn Trãi đón vua đi thuyền vào chơi chùa Côn Sơn, nơi ở của Nguyễn Trãi. Khi trở về Đông Kinh, người thiếp của Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ theo hầu vua. Ngày 7 tháng 9 năm 1442, thuyền về đến Lệ Chi Viên (thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ngày nay), nhà vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ rồi mất. Các quan giấu kín chuyện này, nửa đêm ngày 9 tháng 9 năm 1442 về đến Đông Kinh mới phát tang. Triều đình quy tội Nguyễn Thị Lộ giết vua, liền bắt bà và Nguyễn Trãi, khép hai người vào âm mưu phản nghịch. Vì thế, ngày 19 tháng 9 năm 1442 (tức 16 tháng 8 âm lịch), Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ cùng toàn thể gia quyến bị tru di tam tộc theo hình thức chôn sống. Vị khai quốc công thần đã kết thúc cuộc đời ở tuổi 63 trong một hoàn cảnh đầy bi phẫn và oan khuất. Sau này, các nhà nghiên cứu cho rằng chủ mưu vụ án này chính là Nguyễn Thị Anh, vợ thứ của Lê Thái Tông, mẹ của hoàng tử Bang Cơ. Sở là vua Lê Thái Tông có bốn người con trai và việc tranh chấp ngôi xảy ra giữa các bà vợ của Lê Thái Tông. Nghi Dân vốn là con trưởng, được lập thái tử từ nhỏ, nhưng vì vua sủng ái Nguyễn Thị Anh nên đã phế Nghi Dân để lập Bang Cơ. Tuy nhiên, trong triều lại có nhiều nguồn tin rằng Thị Anh mang thai trước khi vào cung. Như vậy, ngôi thái tử nhiều khả năng sẽ được chuyển giao cho Tư Thành (Lê Thánh Tông sau này) là con của bà Ngô Thị Ngọc Dao. Thị Anh muốn ra tay hại mẹ con bà Ngọc Dao nhưng

vợ chồng Nguyễn Trãi lại hết lòng che chở cho Ngọc Dao. Vì thế, nhân lúc Bang Cơ vẫn còn đang ở ngôi thái tử, Nguyễn Thị Anh phải ra tay trước. Lê Thái Tông chết tức là quyền lực cao nhất thuộc về Thái hậu Nguyễn Thị Anh, vợ chồng Nguyễn Trãi vì thế không thể có cơ hội biện bạch cho sự oan khiên của mình.

Tháng 8 năm 1464, sau 22 năm oan khuất, Nguyễn Trãi được vua Lê Thánh Tông xuống chiếu minh oan, truy tặng tước hiệu Tán trù bá, bãi bỏ lệnh truy sát của triều đình với gia quyến Nguyễn Trãi và ra lệnh bổ dụng con cháu ông làm quan. Nguyễn Anh Vũ là con người vợ thứ tư của Nguyễn Trãi (bà Phạm Thị Mẫn) lúc ấy đi thi đỗ Hương cống, được nhà vua bổ nhiệm làm tri huyện. Năm 1467, Lê Thánh Tông ra lệnh sưu tầm di cảo thơ văn Nguyễn Trãi. Đến ngày 8 tháng 8 năm 1512, vua Lê Tương Dực lại truy tặng Nguyễn Trãi tước Tế văn hầu. Bài văn truy tặng có câu: *Long hổ phong vân chi hội, do tưởng tiền duyên / Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thù hậu thế (Gặp gỡ long hổ phong vân, còn ghi duyên cũ/Truyền tụng văn chương sự nghiệp, để mãi đời sau).*